

NGHỊ QUYẾT

Về mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Xét Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh về mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở; Báo cáo thẩm tra số 114/BC-BPC ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị quyết này quy định về mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

b) Các nội dung, mức chi khác không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014

của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc các chương trình, đề án phổ biến, giáo dục pháp luật;

b) Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp;

c) Các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và phổ biến, giáo dục pháp luật mang tính thường xuyên (không thuộc các chương trình nêu tại điểm a, khoản 2 Điều này), các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội-ngề nghiệp và các tổ chức, đoàn thể khác được giao nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật được vận dụng mức chi quy định tại Nghị quyết này.

3. Các mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

(Theo phụ lục đính kèm)

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác;

b) Ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện một số hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trọng tâm, trọng điểm theo quy định tại Điều 2 của Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XV-Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở. /.

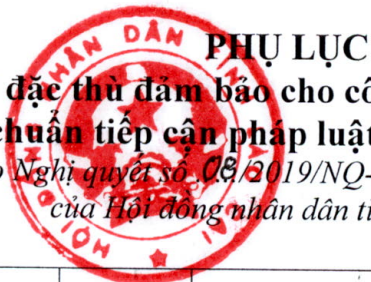
Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- TT.TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TP;
- VP.TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Báo, Đài PT-TH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Chuyên viên Tổng hợp;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh



PHỤ LỤC

Các mức chi đặc thù đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Xây dựng đề án, kế hoạch triển khai đề án (theo giai đoạn); các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn đề án					
a)	Xây dựng đề cương					
	Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	1.000	700	500	
	Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương	1.200	800	600	
b)	Soạn thảo đề án, kế hoạch triển khai đề án (theo giai đoạn)					
	Soạn thảo đề án, kế hoạch triển khai đề án (theo giai đoạn)	Kế hoạch, đề án	1.500	1000	700	
	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	400	300	200	
c)	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý					
	Chủ trì	Người/buổi	150	120	100	
	Thành viên dự	Người/buổi	100	80	50	
d)	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Văn bản	500	300	200	
đ)	Xét duyệt đề án, kế hoạch triển khai đề án (theo giai đoạn)					
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	200	150	100	
	Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/buổi	150	120	80	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	80	50	
	Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	300	200	100	

	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	200	150	100	
e)	Lấy ý kiến thẩm định	Bài viết	500	300	200	Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch
g)	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch	Văn bản	500	300	200	
2	Chi thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác PBGDPL; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật					
a)	Thù lao báo cáo viên cấp trung ương, cấp tỉnh	Người/buổi				Áp dụng Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi thực hiện cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
b)	Thù lao báo cáo viên cấp huyện, tuyên truyền viên, cộng tác viên PBGDPL, tư vấn và tham gia các đợt PBGDPL lưu động, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi		300		Đây là mức chi tối đa, tùy theo trình độ, năng lực thực tế của BCV, TTV, CTV, tính chất phức tạp của từng đợt, buổi tuyên truyền, khả năng chi trả của đơn vị, người có thẩm quyền quyết định mức chi nhưng không thấp hơn 50.000đ/người/buổi
c)	Thù lao cho người được mời tham gia công tác PBGDPL; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật	Người/buổi				Tùy theo trình độ, năng lực của người được mời, thủ trưởng cơ quan tổ chức quyết định áp dụng mức chi quy định tại điểm a, b của mục này
d)	Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia PBGDPL, cán bộ thực	Người/buổi				Được hưởng thêm 15% so với mức thù lao quy định tại điểm a, b, c mục này

	hiện công tác PBGDPL cho các đối tượng đặc thù			
3	Biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù			
a)	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	1.000	
b)	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống	300	
c)	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện	1.500	
d)	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm	5.000	
4	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt			
a)	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật	Người/ngày	30	Không quá 01 ngày
b)	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi	10	
5	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, thuê người dẫn đường			
a)	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kiêm người dẫn đường (đối với trường hợp phải thuê ngoài)	Ngày	200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính	Áp dụng đối với hoạt động PBGDPL lưu động, sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt Câu lạc bộ, nhóm nông cốt tại vùng cao cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho cán bộ thực hiện công tác PBGDPL
b)	Chi thuê người dẫn đường (không phải phiên dịch)	Ngày	130% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính	
6	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi			
a)	Chi biên soạn đề thi,			Áp dụng Nghị quyết số

	đáp án, bồi dưỡng ban giám khảo, ban tổ chức và một số nội dung chi khác					58/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, giai đoạn 2016-2020
b)	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên Internet		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
	- Thuê dẫn chương trình	Người/buổi	1.500	1.000	700	Tùy theo quy mô, cấp tổ chức cuộc thi phê duyệt mức chi cụ thể theo mức chi thực tế
	- Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu	Ngày	10.000	6.000	3.000	
	- Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	300	200	100	
	- Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa (đối với cuộc thi qua mạng điện tử)					Áp dụng Thông tư 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi cho việc tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.
c)	Chi giải thưởng sân khấu hóa (theo cơ cấu giải thưởng được duyệt)					
	- Giải nhất	Giải thưởng				
	+ Tập thể		6.000	4.000	3.000	
	+ Cá nhân		3.000	2.000	1.500	
	- Giải nhì	Giải thưởng				
	+ Tập thể		4.000	3.000	2.000	
	+ Cá nhân		2.000	1.500	1.000	
	- Giải ba	Giải thưởng				
	+ Tập thể		3.000	2.000	1.500	
	+ Cá nhân		1.500	1.000	700	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng				
	+ Tập thể		2.000	1.500	1.000	
	+ Cá nhân		1.000	700	500	



	- Giải phụ khác	500	400	300	
d)	Chi giải thưởng cuộc thi khác (thi viết, thi qua mạng internet, thi trên sóng phát thanh, truyền hình)				Tùy theo quy mô, cấp tổ chức cuộc thi phê duyệt mức chi giải thưởng cụ thể, nhưng mức cao nhất không vượt quá 80% mức giải thưởng tương ứng quy định tại điểm c của mục này
7	Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên trạm truyền thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở				
a)	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh	Trang	75		Tính theo trang chuẩn 350 từ
b)	Bồi dưỡng phát thanh				
	- Phát thanh bằng tiếng Việt	Lần	15		
	- Phát thanh bằng tiếng dân tộc	Lần	20		
8	Chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật				
a)	Chi hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật hàng năm	Tủ/năm			Theo Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật
b)	Rà soát, bổ sung, cập nhật sách pháp luật định kỳ 06 tháng/lần	Lần	100		
c)	Bồi dưỡng cán bộ tham gia luân chuyển sách pháp luật	Lần/người	50		
9	Chi thực hiện thống kê, rà soát, viết báo cáo đánh giá công tác PBGDPL, chương trình, đề án, kế hoạch, đánh giá thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật				

thư

a)	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của các sở, ngành, địa phương	Báo cáo	50			
b)	Rà soát văn bản, tài liệu phục vụ hệ thống hóa, kiến nghị xây dựng thể chế, thực hiện chương trình, đề án	Văn bản	50			
c)	Viết báo cáo		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
	- Báo cáo định kỳ hàng năm của các sở, ngành, địa phương	Báo cáo	1.000	700	500	
	- Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	1.000	700	500	
	- Báo cáo đột xuất	Báo cáo	500			
10	Chi khen thưởng xã, phường, thị trấn					
	Khen thưởng xã, phường, thị trấn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận đơn vị đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.	Tương đương tập thể lao động xuất sắc				Áp dụng các quy định về thi đua, khen thưởng hiện hành
	Khen thưởng xã, phường, thị trấn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen đơn vị tiêu biểu về đạt chuẩn tiếp cận pháp luật toàn tỉnh	Bằng khen				

Chu